ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01 /TB-UBND	*Nhà Bè, ngày 05 tháng 01 năm 2022*

THÔNG BÁO
Về Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức năm 2022

Căn cứ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về tổ chức tuyển dụng viên chức năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè thông báo như sau:

I. Nhu cầu tuyển dụng

Căn cứ tình hình nhân sự hiện có và nhu cầu sử dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè cần tuyển dụng 408 người, trong đó:

- Giáo viên: 321 người (Mầm non: 38 người; Tiểu học: 141 người; Trung học cơ sở: 137 người; Trung học phổ thông: 03 người; Giáo dục nghề nghiệp: 02 người).

- Nhân viên: 87 người với các chức danh Văn thư, Thư viện, Thiết bị - thí nghiệm, Công nghệ thông tin, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, Thủ quỹ, Kế toán, Y tế và Đào tạo nghề, hướng nghiệp.

Chỉ tiêu tuyển dụng cụ thể cho các vị trí việc làm tại các đơn vị theo phụ lục đính kèm.

Để biết thêm thông tin chi tiết, các ứng viên dự tuyển xem trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè: http://www.nhabe.hochiminhcity.gov.vn.

II. Điều kiện, tiêu chuẩn và hồ sơ dự tuyển

1. Điều kiện dự tuyển

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức

- Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam;

- Có phiếu đăng ký dự tuyển (ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ);

- Có lý lịch rõ ràng;

- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

- Tuổi đời từ 18 tuổi trở lên;

- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

1.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển

Người dự tuyển vào các vị trí việc làm cần tuyển phải đạt trình độ chuẩn theo quy định hiện hành tương ứng với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau:

2.1. Vị trí việc làm Giáo viên:

2.1.1. Giáo viên mầm non: Chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng III – Mã số V.07.02.26

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên.

2.1.2. Giáo viên tiểu học: Chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng III – Mã số V.07.03.29

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.

- Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.1.3. Giáo viên trung học cơ sở: Chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng III – Mã số V.07.04.32

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở.

- Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.1.4. Giáo viên trung học phổ thông: Chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học phổ thông hạng III – Mã số V.07.05.15

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học phổ thông.

- Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.1.5. Giáo viên giáo dục nghề: Chức danh nghề nghiệp Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III – Mã số V.09.02.07

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Luật Kinh tế, Kế toán;

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên.

2.2. Vị trí việc làm Văn thư: Chức danh nghề nghiệp Văn thư viên trung cấp – Mã số 02.008

Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

2.3. Vị trí việc làm Thư viện; Thư viện, thiết bị: Chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV – Mã số V.10.02.07

- Tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.4. Vị trí việc làm Thiết bị, thí nghiệm: Chức danh nghề nghiệp Nhân viên thiết bị, thí nghiệm – Mã số V.07.07.20

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học) trở lên;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.5. Vị trí việc làm Công nghệ thông tin:

- Chức danh nghề nghiệp Cán sự - Mã ngạch 01.004: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin.

- Chức danh nghề nghiệp Chuyên viên - Mã ngạch 01.003: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin.

2.6. Vị trí việc làm Hỗ trợ Giáo dục người khuyết tật: Chức danh nghề nghiệp Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (hạng IV) – Mã số V.07.06.16

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các ngành: sư phạm, y tế, công tác xã hội, tâm lí và có chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.7. Vị trí việc làm Thủ quỹ: Chức danh nghề nghiệp Cán sự - Mã số 01.004

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.

2.8. Vị trí việc làm Kế toán: Chức danh nghề nghiệp Kế toán viên – Mã số 06.031

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.9. Vị trí việc làm Y tế: Chức danh nghề nghiệp Y sĩ hạng IV – Mã số V.08.03.07

- Tốt nghiệp y sĩ trình độ trung cấp;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.10. Vị trí việc làm Đào tạo nghề, hướng nghiệp: Chức danh nghề nghiệp Chuyên viên – Mã số 01.003

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các chuyên ngành hành chính nhà nước, quản trị văn phòng, triết học, văn học, lưu trữ học.

3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

- Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi

theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.

- Bản sao các hồ sơ minh chứng đối với các trường hợp thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức.

Lưu ý: *Người đăng ký dự tuyển* ***chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm****, nếu đăng ký từ 02 vị trí việc làm trở lên thì sẽ bị xóa tên trong danh sách dự tuyển hoặc hủy kết quả xét tuyển.*

III. Đối tượng ưu tiên và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

Lưu ý: *Trường hợp người dự tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.*

IV. Hình thức tuyển dụng viên chức

1. Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển theo 02 vòng:

- Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

+ Thời gian phỏng vấn 30 phút.

+ Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

2. Xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

V. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ dự tuyển

1. Thời gian nhận hồ sơ

Trong giờ hành chính từ ngày 10/01/2022 đến 17 giờ 00 phút ngày 12/02/2022.

2. Phương thức nộp và tiếp nhận hồ sơ

Người đăng ký dự tuyển nộp hồ sơ trực tiếp (trong giờ hành chính, trừ thứ Bảy và Chủ nhật) hoặc gửi theo đường bưu chính đến đơn vị có nhu cầu tuyển dụng vị trí việc làm ứng tuyển.

(Đính kèm danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu tuyển dụng viên chức).

3. Công tác chuẩn bị và tổ chức xét tuyển

- Thời gian, địa điểm tổ chức ôn tập (nếu có), tổ chức xét tuyển, thông báo kết quả tuyển dụng,... do Hội đồng tuyển dụng viên chức quyết định và sẽ có thông báo cụ thể sau.

- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập ban hành thông báo tuyển dụng chi tiết của đơn vị, trong đó nêu rõ về số lượng, vị trí cần tuyển, yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn, đăng tải trên trang thông tin điện tử (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị trong thời gian nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển, đồng thời cử người đại diện thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển tại đơn vị.

Trên đây là Thông báo của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức năm 2022./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ TP.HCM;
- HĐND Huyện;
- UBND Huyện: CT, các PCT;
- VP.HĐND&UBND Huyện: CVP, PCVP;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Văn hóa và Thông tin;
- Các trường công lập thuộc Huyện;
- Đài Truyền thanh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đỗ Hồng Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CÓ NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 01 /TB-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

Stt	Tên trường	Địa chỉ	Số điện thoại
1	Trường MN Thị Trấn Nhà Bè	Số 89/10/5 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 4, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè.	028.38738525 028.37811466
2	Trường MN Sơn Ca	Số 342 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 6, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè.	028.38738635
3	Trường MN Mạ Non	Ấp 1, đường Nguyễn Bình, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.37770230
4	Trường MN Đồng Xanh	Số 7A đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè.	028.37800130
5	Trường MN Sao Mai	Số 782 đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè.	028.38734053 028.37818144
6	Trường MN Hướng Dương	Ấp 2, đường Nguyễn Bình, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè.	028.37821569
7	Trường MN Vành Khuyên	Số 438A đường Đào Sư Tích, Ấp 3, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè.	028.37815665
8	Trường MN Họa Mi	Số 239/18 đường Lê Văn Lương, Ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37815680
9	Trường MN Tuổi Ngọc	Số 2279/14 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè.	028.37770155
10	Trường MN Vàng Anh	Số 1339 đường Lê Văn Lương, Ấp 2, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37815530
11	Trường MN Tuổi Hoa	Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè.	028.36360093 028.62700246
12	Trường MN Hoa Lan	Đường Nguyễn Bình, Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè	028.36201687
13	Trường MN Hoa Sen	Ấp 1, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè.	028.22508079
14	Trường TH Trần Thị Ngọc Hân	Số 25, tổ 10, đường Dương Cát Lợi, Khu phố 4, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè. Hẻm 1927 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 5, Thị trấn Nhà Bè, H.Nhà Bè.	028.38738626 028.37811803
15	Trường TH Lâm Văn Bền	Số 373 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, Thị trấn Nhà Bè.	028.38738230
16	Trường TH Nguyễn Trực	Số 1026/3 đường Huỳnh Tấn Phát, Ấp 5, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.37829628
17	Trường TH Nguyễn Bình	Số 247 đường Nguyễn Bình, Ấp 2, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.37828627
18	Trường TH Trang Tấn Khương	Số 42 đường số 3, khu dân cư 26ha, Ấp 1, xã Long Thới, huyện Nhà Bè.	028.37800408

Stt	Tên trường	Địa chỉ	Số điện thoại
19	Trường TH Dương Văn Lịch	Số 774A đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 1, xã Hiệp Phức, huyện Nhà Bè.	028.62755924
20	Trường TH Nguyễn Văn Tạo	Số 1401 đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè.	028.38734012
21	Trường TH Lê Lợi	Số 548/17 đường Nguyễn Bình, Ấp 2, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè.	028.37821632
22	Trường TH Lê Văn Lương	Đường Lê Văn Lương, Ấp 4, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè.	028.37821658
23	Trường TH Tạ Uyên	Số 782 đường Lê Văn Lương, Ấp 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37815656
24	Trường TH Lê Quang Định	Số 218B đường Lê Văn Lương, Ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37815038
25	Trường TH Bùi Thanh Khiết	Số 435 đường Đào Sư Tích, Ấp 3 xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè.	028.37815486
26	Trường TH Nguyễn Việt Hồng	Khu dân cư Công ty Hồng Lĩnh, Tổ 15, Khu phố 5, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè.	028.38739077
27	Trường TH Bùi Văn Ba	Số 8 đường số 11, Khu dân cư Phước Kiển, Ấp 5, Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè	028.37815235
28	Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	Số 421 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè.	028.38738431
29	Trường THCS Lê Văn Hưu	Số 2596/20A đường Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.37829524
30	Trường THCS Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Bình, Ấp 2, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè.	028.37822196
31	Trường THCS Hiệp Phước	Số 1154 đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè.	028.37818042
32	Trường THCS Nguyễn Văn Quỳ	Số 146A đường Lê Văn Lương, Ấp 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37815655
33	Trường THCS Phước Lộc	Số 432/2 đường Đào Sư Tích, Ấp 3, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè.	028.37817399
34	Trường THCS Lê Thành Công	Số 63 đường Đào Sư Tích, Ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37764248
35	Trường THCS Nguyễn Thị Hương	Đường Nguyễn Bình, Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.35350347; 028.35350348
36	Trường Bồi dưỡng giáo dục	Số 306/5 đường Nguyễn Bình, Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.37801349
37	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Số 89 đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 1, xã Long Thới, huyện Nhà Bè.	028.37800059

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC HUYỆN NHÀ BÈ NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 01 /TB-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

Stt	Vị trí việc làm cần tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	MN Sao Mai	MN Mạ Non	MN Hướng Dương	MN Thị trấn Nhà Bè	MN Vàng Anh	MN Hoa Lan	MN Hoa Sen	MN Sơn Ca	MN Họa Mi	MN Đồng Xanh	MN Vành Khuyên	MN Tuổi Ngọc	MN Tuổi Hoa	TH Nguyễn Bỉnh	TH Trang Tấn Khương	TH Dương Văn Lịch	TH Trần Thị Ngọc Hân	TH Nguyễn Văn Tạo	TH Lê Văn Lương	TH Lê Quang Định	TH Lê Lợi	TH Nguyễn Trực	TH Bùi Thanh Khiết	TH Lâm Văn Bền	TH Bùi Văn Ba	TH Tạ Uyên	TH Nguyễn Việt Hồng	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	THCS Lê Văn Hưu	THCS Nguyễn Văn Quỳ	THCS Hiệp Phước	THCS Hai Bà Trưng	THCS Lê Thành Công	THCS Nguyễn Thị Hương	THCS Phước Lộc	Trường Bồi dưỡng giáo dục	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Tổng cộng
1	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	02	05	03		02	07	09	03	01	01	01	02	02																										**38**
2	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III														01	07	02	07	02	06	05	04	03	10		01	01	03									01		**53**
3	Giáo viên dạy Mỹ thuật	Giáo viên tiểu học hạng III														01	01	01	01		01	01	01		02	01	01		01											**12**
		Giáo viên THCS hạng III																												01		01	01			01				**04**
4	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III														02	04	01	03	04	04	05	05	02	05	01	02	04	02											**44**
		Giáo viên THCS hạng III																												02	03	02	07	04	02	03	01			**24**
5	Giáo viên dạy Tin học	Giáo viên tiểu học hạng III														01	01	01	01	01	01	01	01	01	02		01	01	02											**15**
		Giáo viên THCS hạng III																													01	02	02	02	02	01	01			**11**
6	Giáo viên dạy Âm nhạc	Giáo viên tiểu học hạng III															01		01	01	01		01	01	01	01		01												**09**
		Giáo viên THCS hạng III																													01		01	01		01				**04**
7	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III															01	01	03								01	02												**08**
		Giáo viên THCS hạng III																												01	01	01	02	02	01	01	01			**10**
8	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III																												02	05	02	01		03	04	02			**19**
		Giáo viên THPT hạng III																																					01	
9	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên THCS hạng III																												03	02	01			02	03	01	01		**13**
		Giáo viên THPT hạng III																																					01	
10	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên THCS hạng III																													01	02	02	01	01	03	01			**11**
		Giáo viên THPT hạng III																																					01	
11	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên THCS hạng III																													03	01	01	03	02	03	02			**15**
12	Giáo viên dạy Kỹ thuật nữ công	Giáo viên THCS hạng III																														01					01			**02**
13	Giáo viên dạy Kỹ thuật công nghiệp	Giáo viên THCS hạng III																													01	01		01	01					**04**
14	Giáo viên dạy Kỹ thuật nông nghiệp	Giáo viên THCS hạng III																														01			01	01	01			**04**
15	Giáo viên dạy Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III																														02			01	01				**04**
16	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III																															01			01				**02**
17	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên THCS hạng III																												01					01	01				**03**
18	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III																												01	01	01		02	01	01				**07**
19	Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III																																				02		**02**
20	Văn thư	Văn thư viên trung cấp					01	01	01		01												01	01				01				01	01							**09**
21	Thư viện	Thư viện viên hạng IV																														01								**01**

Stt	Vị trí việc làm cần tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	MN Sao Mai	MN Mạ Non	MN Hướng Dương	MN Thị trấn Nhà Bè	MN Vàng Anh	MN Hoa Lan	MN Hoa Sen	MN Sơn Ca	MN Họa Mi	MN Đồng Xanh	MN Vành Khuyên	MN Tuổi Ngọc	MN Tuổi Hoa	TH Nguyễn Bỉnh	TH Trang Tấn Khương	TH Dương Văn Lịch	TH Trần Thị Ngọc Hân	TH Nguyễn Văn Tạo	TH Lê Văn Lương	TH Lê Quang Định	TH Lê Lợi	TH Nguyễn Trực	TH Bùi Thanh Khiết	TH Lâm Văn Bền	TH Bùi Văn Ba	TH Tạ Uyên	TH Nguyễn Việt Hồng	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	THCS Lê Văn Hưu	THCS Nguyễn Văn Quỳ	THCS Hiệp Phước	THCS Hai Bà Trưng	THCS Lê Thành Công	THCS Nguyễn Thị Hương	THCS Phước Lộc	Trường Bồi dưỡng giáo dục	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Tổng cộng
22	Thư viện, thiết bị	Thư viện viên hạng IV															01						01		02		01													**05**
23	Thiết bị, thí nghiệm	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm																												01		01	01	01	01					**05**
24	Công nghệ thông tin	Cán sự															01	01	01	01				01		01		01		01			01	01		01				**11**
		Chuyên viên																					01		01						01									**03**
25	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (hạng IV)															02	01	01	01		01	01	02		01	01	01	01	01	01				01		01				**17**
26	Thủ quỹ	Cán sự																												01										**01**
27	Kế toán	Kế toán viên		01		01	01	01		01		01		01					01	01	01	01			02				01			01	01				01			**17**
28	Y tế	Y sĩ hạng IV	01	01		01			01	01										01		01		01	01		01		01	01		01	01	01		01	01			**17**
29	Đào tạo nghề, hướng nghiệp	Chuyên viên																																					01	**01**
	Tổng cộng:		**03**	**07**	**03**	**02**	**04**	**09**	**11**	**05**	**02**	**02**	**01**	**03**	**02**	**05**	**19**	**08**	**19**	**12**	**14**	**15**	**16**	**12**	**26**	**05**	**09**	**11**	**12**	**15**	**22**	**21**	**23**	**21**	**19**	**29**	**13**	**02**	**06**	**408**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ